

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ AFL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ AFL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AFL MANAGEMENT AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109432914

3. Ngày thành lập: 27/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 35 Ngõ 58/7/6 Phố Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác và thu gom than non	0520
3.	Khai thác dầu thô	0610
4.	Khai thác quặng sắt	0710
5.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
6.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
7.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
10.	Khai thác muối	0893
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
12.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
13.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
14.	Sản xuất than cốc	1910
15.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
16.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
17.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
18.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
19.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
20.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
21.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825

22.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
23.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
24.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
25.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
26.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
27.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
28.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
29.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
30.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
31.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
32.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
33.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
34.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
35.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
37.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
38.	Xây dựng nhà để ở	4101
39.	Xây dựng nhà không để ở	4102
40.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
43.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
44.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
45.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
46.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
47.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
48.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
49.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543

50.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
51.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ hàng cấm)	4620
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
54.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
55.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
56.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Kinh doanh trang thiết bị y tế	4659
59.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
63.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
64.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
66.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
67.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

68.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
69.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
71.	Bốc xếp hàng hóa	5224
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
73.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
74.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
75.	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
76.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619(Chính)
77.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ kinh doanh bất động sản	6810
78.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
79.	Quảng cáo	7310
80.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
81.	Cho thuê xe có động cơ	7710
82.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
83.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: - Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ bản quyền, như sách hoặc phần mềm); - Nhận tiền nhuận bút hoặc phí giấy phép của việc sử dụng: + Bằng sáng chế + Thương hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ + Nhãn hàng + Thỏa thuận quyền kinh doanh + Quyền khai khoáng + Tài sản vô hình phi tài chính khác	7740
84.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
85.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	7820

86.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7830
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRƯƠNG VŨ DŨNG _____ Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *21/10/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *001080020004*
 Ngày cấp: *16/09/2020* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 35 hẻm 58/7/6 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Số 35 hẻm 58/7/6 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội